

Số:12/2020/QĐST-HC

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

Căn cứ vào khoản 5 điều 38, điều 143 và điều 144 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

Xét thấy: ngày 27/9/2019 bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu “hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 418929 cấp ngày 07/3/2007 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu M” và tại đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 10/10/2019 bà trình bày với lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thị xã P cấp cho ông Nguyễn Hữu M lấy luôn phần đường đi chung, phần đường đi này nguồn gốc là do cha mẹ để lại”.

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ kèm theo và quá trình thu thập chứng cứ, nhận thấy:

Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 28/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận có nội dung “ ...Thửa đất ông Nguyễn Hữu M đã được cấp giấy chứng nhận số AH 418929 ngày 07/3/2007;...biên bản được đọc lại và lập thành 3 bản, bên ông Nguyễn Hữu M, ông Nguyễn H Y giữ 01 bản, lưu lại Ủy ban nhân dân phường M 01 bản”.

Biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 09/10/2020, Ủy ban nhân dân phường M cung cấp : “ Tại buổi hoà giải tranh chấp đất đai các bên đương sự ông Nguyễn H Y, bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Hữu M đều được thông báo về thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích sử dụng và được xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho phía bên kia, biên bản hòa giải lập ngày 28/8/2018 có tổng đạt cho mỗi bên đương sự một bản. Cho đến nay vẫn không nhận được đơn khiếu nại gì của bà Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M”.

Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh ngày 15/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường M. Ông Nguyễn H Y (chồng bà Lê Thị Đ) cung cấp: “...Trước năm 1980 là đất của ông bà sản xuất nông nghiệp, sau đó để một khoảng đất làm đường đi vào đất của gia đình tôi và các anh chị em ruột, không thuộc đường đi cho các hộ khác...Từ lúc năm 2007 ông Nguyễn Hữu M lấy đường đi làm nông nghiệp và cấp đổi sổ lại.” và tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2018 ông Y trình bày: “ ...đến năm 2007 ông M đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấy luôn phần đường đi này”.

Bản tự khai ngày 21/8/2020 của bà Lê Thị Đ trình bày: “...khi xảy ra tranh chấp ngày 28/8/2018 có biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường M...” và biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020 bà Đ trình bày: “...ngày 28/8/2018 bà biết ông Nguyễn Hữu M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AH 418929 cấp ngày 07/3/2007, sau khi biết được bà không khiếu nại ở đâu hết và cho đến thời điểm khởi kiện ngày 27/9/2019 bà không bị ốm đau, bệnh tật phải nằm viện.”

Xét thấy: Ngày 28/8/2018, Ủy ban nhân dân phường M giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị Đ; Tại buổi hòa giải bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn H Y được thông báo và biết việc ông Nguyễn Hữu M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 418929 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 07/3/2007 đối với thửa số 76 a, tờ bản đồ số 05, phường M; Kết quả hòa giải không thành, bà Đ, ông Y được Ủy ban nhân dân phường tổng đạt biên bản hòa giải. Như vậy, có cơ sở xác định ngày 28/8/2018 bà Đ, ông Y biết việc ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến ngày 27/9/2019 bà Đ mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 418929 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 07/3/2007 cho ông Nguyễn Hữu M là đã hết thời hiệu quy định tại điều 116 luật Tố tụng Hành chính.

Tại điểm a khoản 2 điều 116 luật Tố tụng Hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện như sau: “ 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính,...”

Căn cứ quy định trên thì thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Đ đã hết, lý do của việc hết thời hiệu khởi kiện không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 116, điểm g khoản 1 điều 143 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 21/2020/TLST-HC ngày 21/7/2020 về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính đối với trường hợp hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*, giữa:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 79/29/2, khu phố 5, phường M, thành phố P tỉnh Ninh Thuận;

Người bị kiện: Ủy ban nhân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Ph– Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh Th – Phó chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Song Th, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Ph, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn H Y, sinh năm: 1961

Địa chỉ: khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; (ông Y ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 24/8/2020).

- Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn Ninh Quý 2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Chế Thị Th, sinh năm 1969

- Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Thôn Ninh Quý 2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

-Bà Nguyễn Thiện Hoàng N, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố 3, phường B, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

(Bà Th, Nh, ông D đều ủy quyền cho ông M tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/10/2020).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Về quyền khởi kiện: Bà Lê Thị Đ không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án hành chính nếu việc khởi kiện không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: số tiền 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Đ phải chịu và đã nộp đủ.

Về án phí: Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho Lê Thị Đ 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018906 ngày 16/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc từ ngày quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của luật Tố tụng Hành chính.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Anh Trang

